



MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐẠI HỌC

TS. VÕ THỊ XUÂN

Để đáp ứng yêu cầu nhân lực cho nền kinh tế tri thức, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI chỉ rõ: "Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân". Trong đó, giảng dạy ở bậc đại học cũng là một vấn đề cần được quan tâm và xem xét. Phương pháp dạy học (PPDH) đại học bao gồm cả phương pháp dạy và phương pháp học. Đó chính là con đường giúp sinh viên chiếm lĩnh được tri thức và kỹ năng. Vì vậy, PPDH đại học có tác dụng củng cố phương thức thỏa mãn nhu cầu của sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học.

1. Quan niệm về PPDH ở đại học

Theo GS Thái Duy Tuyên, PPDH "là một khái niệm được hiểu ở nhiều bình diện khác nhau, không thống nhất với nhau". Có thể thấy rõ hơn điều này qua một số quan điểm của điều khiển học, quan điểm logic, quan điểm dạy học bộ môn, quan điểm của lý luận dạy học... Tuy nhiên, PPDH dù theo quan điểm nào cũng cần có những dấu hiệu đặc trưng sau:

- PPDH phản ánh được sự vận động của quá trình nhận thức của người học nhằm đạt được dạy học.
- PPDH phản ánh được sự vận động của nội dung và sự chiếm lĩnh nội dung dạy học.
- PPDH phản ánh được cách thức trao đổi thông tin giữa người dạy - người học trong quá trình dạy học.
- PPDH phản ánh được cách thức tổ chức, điều khiển và chỉ đạo hoạt động nhận thức theo một quy trình nhất định.

Từ những dấu hiệu đặc trưng trên có thể hiểu: PPDH ở đại học là cách thức hoạt động của giảng viên và sinh viên, dưới sự tổ chức, điều khiển và chỉ đạo của giảng viên, sinh viên tích cực, chủ động, tự lực, tự giác linh hội kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo qua đó phát triển những năng lực nhận thức và năng lực hành động, hình thành thế giới quan duy vật khoa học.

Với cách hiểu như trên, trong dạy học ở đại học, người giảng viên phải thỏa mãn đồng thời hai năng lực là năng lực sư phạm và năng lực nghiên cứu khoa học/ứng dụng nghề nghiệp (người lành nghề). Nếu người giảng viên không có khả năng tìm kiếm, lựa chọn tri thức chuyên môn cốt lõi, không có khả năng

phát hiện và giải quyết đúng nhu cầu nhận thức thì khó có thể dẫn dắt sinh viên theo mục tiêu dạy học và dạy họ "cách học" ở bậc học đào tạo nguồn nhân lực "tri thức" cho xã hội.

2. Đặc điểm PPDH ở đại học

Dạy học ở đại học là hoạt động gắn liền với đặc điểm ngành nghề đào tạo, bám sát thực tiễn phát triển của nền kinh tế - xã hội cũng như sự phát triển của khoa học và công nghệ liên quan. Điều này đòi hỏi PPDH đại học phải coi trọng việc phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu và huy động có hiệu quả vai trò của phương tiện, kỹ thuật và công nghệ dạy học hiện đại. Do đó, PPDH ở đại học có các đặc điểm sau:

Thứ nhất: PPDH gắn liền với mục tiêu dạy học: PPDH không chỉ chịu sự quy định của mục tiêu dạy học mà còn là phương thức để đạt mục tiêu dạy học. Do đó, từng mục tiêu dạy học đều đòi hỏi có PPDH tương ứng và ngược lại, mỗi PPDH bao giờ cũng hướng tới đạt mục tiêu dạy học cụ thể.

Thứ hai: PPDH ở đại học gắn liền với nội dung dạy học: Có 4 kiểu nội dung dạy học ở đại học:

- N₁: Hệ thống tri thức về thế giới và về cách thức hành động.
- N₂: Hệ thống những kinh nghiệm thực hiện hoạt động (kỹ năng, kỹ xảo).
- N₃: Hệ thống kinh nghiệm hoạt động sáng tạo (kỹ năng tư duy)
- N₄: Hệ thống kinh nghiệm về thái độ và quy tắc ứng xử.

Nếu coi PPDH ở đại học là một hàm số phụ thuộc vào 4 kiểu nội dung dạy học thì có thể diễn đạt PPDH ở đại học = f(N_{1,2,3,4}).

Thứ ba: PPDH ở đại học gắn liền với phương tiện dạy học: PPDH và phương tiện dạy học là hai phạm trù độc lập nhưng tồn tại và vận động trong mối quan hệ biện chứng với nhau. Phương tiện dạy học là một bộ phận của PPDH và một PPDH bao giờ cũng gắn chặt với phương tiện dạy học. Việc sử dụng phương tiện dạy học sẽ thực sự không có hiệu quả khi nó không chức dụng PPDH.

Thứ bốn: PPDH ở đại học gắn liền với đối tượng và hình thức tổ chức dạy học

Thứ năm: PPDH ở đại học có cấu trúc đa cấp: PPDH ở đại học là hệ thống các hành động và thao tác của giảng viên và sinh viên. Do đó, khi thiết kế dạy học, giảng viên phải xác lập được

một hệ thống các hành động, thao tác của người dạy và người học tương ứng với từng đơn vị, nội dung dạy học cụ thể nhằm đạt được mục tiêu dạy học.

Thứ sáu: PPDH ở đại học vừa mang tính khách quan, vừa mang tính chủ quan. Tính chủ quan của PPDH ở đại học thể hiện ở chỗ các PPDH do giảng viên thực hiện, hiệu quả của các PPDH phụ thuộc vào chính năng lực tổ chức, thực hiện của họ.

3. Liệt kê PPDH và xếp hạng theo ý kiến sinh viên

Khó có thể đạt được sự đồng thuận về danh mục các PPDH đại học được sử dụng hiện nay. Chẳng hạn, trong khi Bourner T. and Flowers S. (1997) liệt kê tới khoảng 40 PPDH khác nhau thì khá nhiều tác giả thường giới hạn trong khoảng trên dưới 10 tên PPDH đại học đặc trưng. Galbraith M.W. (1991) có liệt kê 12 PPDH, Seldin, P. (1994) cho rằng có 6 PPDH đặc trưng cho giáo dục đại học còn Sajjad S. (2005) liệt kê danh sách 10 PPDH trong đại học, cụ thể là: (1) *Thuyết trình*, (2) *Thảo luận nhóm*, (3) *Tự trình bày*, (4) *Giao nhiệm vụ*, (5) *Xemine*, (6) *Hội thảo*, (7) *Hội nghị*, (8) *Công não*, (9) *Đóng vai*, (10) *Nghiên cứu trường hợp*.

Sinh viên đánh giá các khía cạnh khác nhau của quá trình giáo dục, trong đó có vấn đề về PPDH ngày càng trở nên quan trọng. Trong thực tế, ý kiến đánh giá của sinh viên được sử dụng ở 90% các trường cao đẳng và đại học ở Hoa Kì. Trong các PPDH, sinh viên cho rằng các PPDH có hiệu quả và hiệu ứng thù vị khác nhau, trong đó thuyết trình vẫn là phương pháp được đánh giá cao nhất, sau đó là thảo luận và

đóng vai. Các phương pháp còn lại có mức độ thấp hơn (xem Bảng 1).

4. Một số PPDH đại học

- *Thuyết trình (Lecture):* Thuyết trình là một cuộc nói chuyện hoặc trình bày bằng lời nói được thực hiện ra bởi giảng viên hoặc một diễn giả đối với một nhóm người nghe nhất định. Mặc dù có nhiều tiến bộ trong việc giảng dạy cũng như công nghệ tin học nhưng phương pháp thuyết trình vẫn còn giữ nguyên vai trò nòng cốt trong giảng dạy ở cấp đại học. Phương pháp này có tính kinh tế cao, có thể được sử dụng cho một số lớn sinh viên, nội dung học có thể được được trình bày một cách hệ thống, có cấu trúc và giảng viên có thể kiểm soát tốt thời gian và nội dung bài giảng. Điều cần phải thừa nhận rằng hầu hết các sinh viên coi phương pháp thuyết trình là tốt nhất bởi vì theo họ nó tạo ra những ý tưởng mới, phù hợp cho lớp học đông người, phát triển tính sáng tạo của sinh viên, giảng viên là người có kinh nghiệm và là chuyên gia sâu về chuyên đề, có thể giải thích tất cả các vấn đề và có thể trả lời tất cả các câu hỏi của sinh viên.

Thực hiện bài thuyết trình có hiệu quả cần lưu ý:

1/ Thu hút và duy trì sự chú ý của người học, gây được hứng thú học tập, hướng dẫn tư duy của người học:

- Giảng viên có thái độ tích cực, nhiệt tình đối với nội dung bài dạy.
- Hiểu người học và duy trì sự chú ý của học.
- Nhập đề có tính cách động viên kích thích để thu hút sự chú ý và chuẩn bị của người học.
- Phán đoán được phản ứng của người học.

Bảng 1: Ý kiến của sinh viên về hứng thú và hiệu quả của các PPDH đại học

	1		2		3		4		5		Total
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%	
Thuyết trình	34	16	18	08	00	00	80	36	88	40	220
Thảo luận nhóm	34	16	18	08	54	24	34	16	80	36	220
Tự trình bày	53	24	44	20	26	12	53	24	44	20	220
Giao nhiệm vụ	18	08	53	24	89	40	34	16	26	12	220
Xemine	52	22	54	25	34	16	54	25	26	12	220
Hội thảo	26	11	54	25	53	24	53	24	35	16	220
Hội nghị	26	12	53	24	53	24	35	16	53	24	220
Công não	27	12	34	16	54	25	80	36	25	11	220
Đóng vai	25	11	54	25	27	12	80	36	34	16	220
Nghiên cứu trường hợp	34	16	27	12	53	24	52	23	54	25	220

Nguồn: Sajjad S. (2005), Effective Teaching Methods At Higher Education Level, University of Karachi, Pakistan.



2/Điệu bộ, phong cách, cử chỉ của giảng viên.

- Giọng nói, tốc độ: Giọng nói to, rõ ràng, có điểm nhấn.

- Khi giảng bài, mỗi phần nên có tóm tắt và cuối bài có tóm tắt chung.

3/Hướng dẫn người học:

- Nên ghi theo cách hiểu, tóm tắt, không ghi nguyên văn trừ định nghĩa, công thức.

- Ghi những ý chính, cơ bản, tránh ghi tràn lan, ghi nhanh bằng kí hiệu, viết tắt sơ đồ, kết hợp với hình vẽ, biểu đồ.

- *Thảo luận (Discussion):* Đây là một sự trao đổi bằng lời nói tự do của ý tưởng giữa các sinh viên trong nhóm hoặc giữa giảng viên với sinh viên. Điểm mạnh của thảo luận ở lớp học là giúp tạo nên nhiều ý tưởng và kinh nghiệm từ nhóm, cho phép tất cả mọi người tham gia trong quá trình hoạt động tích cực. Nhiều nghiên cứu cho thấy rằng các sinh viên đánh giá cao phương pháp thảo luận theo nhóm (hoặc theo lớp) là phương pháp tốt thứ hai bởi vì phương pháp này thu hút được sự tham gia của nhiều sinh viên hơn, học tập có hiệu quả hơn, sinh viên không phải dựa vào học thuộc lòng, mỗi sinh viên có thể

nêu ý kiến của mình, và phương pháp này phát triển sáng tạo của sinh viên.

- *Đóng vai (Role play):* Phương pháp này có mục đích lôi cuốn sinh viên tham gia tích cực vào quá trình học tập bằng cách tạo điều kiện cho họ hoạt động như những nhân vật liên quan trực tiếp trong một kịch bản tưởng tượng hay có thực. Nó là một kỹ thuật bổ sung cho phương pháp thuyết trình và giao bài tập truyền thống của giáo dục trong lĩnh vực khoa học xã hội. Khi tiến hành phương pháp đóng vai, giảng viên lựa chọn một sự kiện đặc biệt hoặc một tình huống giúp làm sáng tỏ các lí thuyết quan trọng hoặc có thể là quan trọng đối với chuyên đề được nghiên cứu.

- *Nghiên cứu trường hợp (Case study):* Nghiên cứu trường hợp chủ yếu được khởi xướng và phát triển trong giảng dạy kinh doanh và pháp luật. Phương pháp này có thể áp dụng hiệu quả trong giáo dục các ngành nghệ thuật khai phóng, kỹ thuật v.v... Phương pháp nghiên cứu trường hợp về cơ bản được sử dụng để phát triển tư duy phê phán và kỹ năng giải quyết vấn đề cũng như giới thiệu cho sinh viên làm quen với các tình huống thực tế.

Bảng 2: Lựa chọn PPDH theo mục đích học tập

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	MỤC ĐÍCH HỌC TẬP					
	Phổ biến kiến thức	Phát triển khả năng sử dụng các ý tưởng và thông tin	Phát triển khả năng của sinh viên để kiểm tra ý tưởng và bằng chứng	Phát triển khả năng của sinh viên để tạo ra các ý tưởng và bằng chứng	Tạo thuận lợi cho sự phát triển cá nhân của sinh viên	Phát triển năng lực của sinh viên để lập kế hoạch và quản lý việc học của mình
	1. Thuyết trình 2. Sách giáo khoa 3. Đọc 4. Tài liệu phát thêm (hand-outs) 5. Mời khách thuyết trình (Guest lectures) 6. Sử dụng các bài tập yêu cầu sinh viên tìm kiếm thức cập nhật 7. Phát triển kỹ năng trong việc sử dụng thư viện và các tài nguyên học tập khác. 8. Học cá nhân có hướng dẫn. 9. Tài liệu học tập mở. 10. Sử dụng Internet	1. Nghiên cứu trường hợp (case study) 2. Thực hành 3. Kinh nghiệm làm việc 4. Các dự án 5. Trình diễn (demonstrations) 6. Nhóm làm việc 7. Mô phỏng (ví dụ như trên máy tính) 8. Hội thảo 9. Thảo luận 10. Bài luận	1. Xemina và hướng dẫn 2. Giám sát 3. Tự trình bày 4. Các tiểu luận 5. Thông tin phản hồi về các bài viết 6. Tổng quan tài liệu 7. Làm bài kiểm tra 8. Học mở 9. Đánh giá đồng cấp 10. Tự đánh giá	1. Dự án nghiên cứu 2. Hội thảo về kỹ thuật giải quyết vấn đề sáng tạo 3. Nhóm làm việc 4. Hành động học tập 5. Tư duy định hướng 6. Công não 7. Sơ đồ tư duy 8. Hình dung sáng tạo 9. Huấn luyện 10. Giải quyết vấn đề	1. Phản hồi 2. Kinh nghiệm học tập 3. Hợp đồng học tập 4. Hành động học tập 5. Nhật ký học tập 6. Đóng vai 7. Kinh nghiệm nhóm 8. Tài liệu tư duy 9. Tự đánh giá 10. Lập hồ sơ	1. Hợp đồng học tập 2. Các dự án 3. Hành động học tập 4. Hội thảo 5. Hướng dẫn 6. Các bản ghi và nhật ký 7. Nghiên cứu độc lập 8. Sắp đặt công việc 9. Hồ sơ phát triển 10. Luận văn

Nguồn: Bourner T. and Flowers S. (1997), *Teaching And Learning Methods In Higher Education: A Glimpse Of The Future, Reflections on Higher Education (A Journal of the Higher Education Foundation)* Vol 9., Pages 77 - 102.



- **Công não (Brainstorming):** Phương pháp công não được dựa trên năng lực của bộ não con người trong việc tạo mối liên hệ. Nếu như năng lực đưa ra những đề xuất liên hệ của một người đơn độc vẫn còn hạn chế thì số lượng các đề xuất này của chính người đó tăng lên gấp bội nếu có nhiều người cùng nhau làm việc. Hơn nữa, trạng thái này sẽ xảy ra khi con người được thư giãn, bình tĩnh, hạnh phúc và có cảm giác trong một môi trường tin tưởng và hỗ trợ nhau. Công não là một kỹ thuật rất hữu ích cho giải quyết vấn đề, ra quyết định, tư duy sáng tạo và xây dựng nhóm.

- **Giao nhiệm vụ (Assignment):** Phương pháp giao nhiệm vụ giúp sinh viên trong việc tổ chức kiến thức, hệ thống hóa các sự kiện và chuẩn bị tốt hơn cho các kì thi. Nó nhấn mạnh vào làm việc của cá nhân sinh viên và cách thức làm việc trong cả quá trình giảng dạy và học tập.

5. Chọn lựa PPDH theo mục đích học tập ở bậc đại học

Người ta có thể dựa vào các cơ sở khác nhau để chọn PPDH phù hợp. Bourner T. and Flowers S. (1997) cho rằng PPDH có thể được lựa chọn dựa theo các mục đích học tập.

Từ bảng 2 cho thấy việc lựa chọn PPDH ở bậc đại học theo mục đích học tập có 6 đặc trưng sau:

1/ Phổ biến kiến thức.

2/ Phát triển khả năng sử dụng các ý tưởng và thông tin.

3/ Phát triển khả năng của sinh viên để kiểm tra ý tưởng và bằng chứng.

4/ Phát triển khả năng của sinh viên để tạo ra các ý tưởng và bằng chứng.

5/ Tạo thuận lợi cho sự phát triển cá nhân của sinh viên.

6/ Phát triển năng lực của sinh viên để lập kế hoạch và quản lí việc học của mình.

Trong 6 nhóm đặc trưng này, nhóm 1,2,3 hiện diện nhiều trong giờ học ở các trường đại học nước ta; trong khi PPDH ở các trường đại học tiên tiến đã từ lâu thực hiện mục đích 4,5,6. PPDH theo mục đích học tập là cơ sở khoa học cho người dạy lựa chọn phương pháp phù hợp, từ đó sẽ đáp ứng được mong đợi của người học và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở bậc đại học tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

6. Kết luận

Yêu cầu cơ bản về đổi mới PPDH ở đại học là phải gắn kết được tính định hướng của phương pháp dạy với tính tích cực của phương pháp học; đổi mới một cách đồng bộ trong tất cả các hình

thức dạy học, đặc biệt là hình thức thi kiểm tra, đánh giá kết quả. Việc cải tiến PPDH ở đại học là một công cuộc khó khăn đầy thách thức và đòi hỏi thời gian kéo dài hàng thế hệ. Điều khó khăn nhất có lẽ là sự thay đổi nhận thức của đội ngũ giảng viên đại học, nếu họ coi nghề giảng viên đại học là một nghề chuyên nghiệp thì đòi hỏi họ phải có năng lực chuyên về giảng dạy, trong đó có năng lực về PPDH. Tiếp theo đó là phải tạo điều kiện phù hợp như vấn đề chính sách, đài ngô, các hỗ trợ quan trọng như cơ sở vật chất thiết bị, cơ hội học tập bồi dưỡng v.v...

Giáo dục đại học đang đứng trước những thách thức lớn về nhiều mặt để có thể chiếm được những vị thế xứng đáng trong khu vực. Điều này sẽ khó mà đạt được khi giáo dục đại học không có một đội ngũ giảng viên có trình độ cao. Một trong dấu hiệu của trình độ cao đó chính là năng lực về PPDH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Angelo, T.A, *From faculty development to academic development. AAHE Bulletin*, 46 (10): 3-7, 1994.
2. Bourner T. and Flowers S., *Teaching And Learning Methods In Higher Education: A Glimpse Of The Future, Reflections on Higher Education (A Journal of the Higher Education Foundation)* Vol 9,, Pages 77 - 102m, 1997.
3. Galbraith M. W., *Adult Learning Methods*, Krieger Publishing Company, Malabar, Florida, USA, 1991.
4. Nguyễn Xuân Hải, *Một số vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, Tài liệu tham khảo phục vụ kì thi nâng ngạch giảng viên lên giảng viên chính năm 2010*, Hà Nội, 2010.
5. Đào Thái Lai và các tác giả, *Thực trạng đổi mới phương pháp dạy học ở đại học, Kỉ yếu Hội thảo Quốc gia về Khoa học Giáo dục Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tập II*, tr. 116-123, 2011.
6. Thái Duy Tuyên, *Những vấn đề cơ bản của giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.

SUMMARY

The transition from study year into credit system in the higher education institutions have made stringent requirements on the innovation of teaching and learning. This article addresses the issues of higher education teaching like concepts, characteristics, modern methods and proposed basis for selecting teaching method according to learning purposes.